

TÍN NGƯỠNG THỜ THẦN THÀNH HOÀNG TRONG CÁC LÀNG XÃ VIỆT NAM

NGUYỄN MINH TUỜNG*

Tóm tắt: Ở Việt Nam, tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng được xuất hiện lâu đời và trở nên phổ biến trong các làng, xã trên mọi miền đất nước. Trong bài viết, tác giả đi sâu nghiên cứu, hệ thống trong dòng chảy của lịch sử chỉ ra được ở mỗi thời kỳ, địa phương, người dân tín ngưỡng các loại thần Thành hoàng khác nhau. Đồng thời, bằng những tư liệu, tài liệu phong phú, tác giả chứng minh được sự tồn tại khách quan tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng trong đời sống cộng đồng của người Việt.

Từ khóa: Tín ngưỡng, thờ thần Thành hoàng.

Một trong những tín ngưỡng phổ biến nhất của dân tộc Việt Nam trên mọi miền đất nước từ Bắc chí Nam là tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng trong các làng xã. Thần Thành hoàng được thờ trong các đình làng. Điều này đã được nhiều học giả khảo sát khá kỹ. Chẳng hạn như: Nguyễn Văn Khoan trong *Essai sur le Đình et le culte du génie tutélaire des Villages au Tonkin*⁽¹⁾ (Tiểu luận về ngôi Đình và tục thờ thần Thành hoàng trong các làng xã ở Bắc Kỳ); Nguyễn Văn Huyền trong *Góp phần nghiên cứu một vị Thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man*⁽²⁾; Phan Kế Bính trong *Việt Nam phong tục*⁽³⁾.

Ở Trung Quốc, Thành hoàng là vị thần bảo hộ thành trì, từ trung ương đến địa phương. Thần Thành hoàng bảo vệ bộ máy quan liêu và cư dân trong thành. Bên ngoài các thành, người Trung Quốc không thờ thần Thành hoàng. Nhưng là thần, nên Thành hoàng cũng có thể làm

mưa, làm tạnh, che chở người tốt, trừng phạt kẻ xấu, giáo dục và xử án... Trong tín ngưỡng Thành hoàng Trung Quốc, khuynh hướng thế tục hóa khá mạnh mẽ. Thần Thành hoàng trở thành chủ tể âm ty của thành trấn địa phương. Thành hoàng có “cấp trên”, lại có “thuộc hạ”, phần lớn là quan bắt hồn...

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng từ Trung Quốc được du nhập vào Việt Nam, từ thời Bắc thuộc (179 TCN - 905 SCN), cũng làm nảy sinh ra một số thần Thành hoàng mà chức năng cũng giống Thành hoàng Trung Quốc, tức là thần bảo vệ các tòa thành.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Sử học.

(1) Nguyễn Văn Khoan, *Essai sur le Đình et le culte du génie tutélaire des Villages au Tonkin*. BÉFÉO-tome XXXI.

(2) Nguyễn Văn Huyền (1995), *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 1, tr. 283.

(3) Phan Kế Bính (1999), *Việt Nam phong tục*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, tr. 85.

Năm 823, viên Đô hộ Giao Châu Lý Nguyên Gia xây La Thành, đã phong thần *Tô Lịch* làm Thành hoàng, dựng đền thờ⁽⁴⁾. Năm 866, Tiết độ sứ Cao Biền mở rộng thành Đại La, lại phong cho thần *Tô Lịch* làm *Đô phủ Thành hoàng thần quân*⁽⁵⁾. Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long, lại phong cho thần *Tô Lịch* làm *Quốc đô Thăng Long Thành hoàng Đại Vương*⁽⁶⁾.

Dưới thời Trần (1225-1400), niên hiệu Trùng Hưng thứ 1 (1285), Trần Nhân Tông sắc phong cho thần Thành hoàng *Tô Lịch* thêm hai chữ *Bảo Quốc*; năm Trùng Hưng thứ 4 (1288), gia phong cho hai chữ *Hiển Linh*; năm Hưng Long thứ 21 (1313), Trần Anh Tông gia phong cho hai chữ *Định Bang*⁽⁷⁾.

Theo sách *Việt điện u linh tập* của Lý Tế Xuyên, biên soạn vào khoảng thập niên 20 của thế kỷ XIV, thì còn 2 vị thần Thành hoàng nữa. *Vị thứ nhất: Quảng Lợi Thánh Hựu Uy tế Phu Ứng Đại vương*. Thần được thờ ở đền Bạch Mã, nay là số nhà 3 phố Hàng Buồm, Thành phố Hà Nội. Đền Bạch Mã thờ thần *Long Đỗ* 龍肚, hiệu là *Quảng Lợi Bạch Mã Đại vương* 廣利白馬大王. Truyện *Long Đỗ (Đỗ) vương khí truyện* trong sách *Lĩnh Nam chích quái* của Trần Thế Pháp cho biết, khi Lý Thái Tổ xây dựng thành Thăng Long xong, phong cho thần *Long Đỗ* làm *Thăng Long Thành hoàng Đại vương*⁽⁸⁾. *Vị thứ hai: Khai Thiên Trấn quốc Trung Phụ Tá dực Đại vương*. Theo *Sử ký* của Đỗ Thiện thì đó là thần Thổ địa ở Đằng Châu. Hiện nay vẫn còn đền thờ thần ở Xích Đằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên. Đó là vị Thần làm mưa

nửa sông, làm tạnh nửa sông. Vua Lý Thái Tổ, khi chưa lên ngôi, có thực ấp ở Đằng Châu. Nhà vua được thần báo mộng là sau này tất sẽ lên ngôi báu. Năm 1010, Lý Thái Tổ thăng làng Đằng Châu làm phủ Thái Bình, gia phong cho thần làm *Khai Thiên Thành hoàng Đại vương*⁽⁹⁾.

Trong thời kỳ Việt Nam bị nhà Minh xâm lược (1407-1427), theo sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng, quan lại nhà Minh đã theo chế độ Trung Quốc, lập miếu thờ Thành hoàng ở phủ, châu, huyện Việt Nam.

Vào đời Lê sơ (1428-1527), theo sách *Đại Việt sử ký toàn thư*: “Tháng 4 năm Kỷ Tỵ (1449) [thời Lê Nhân Tông]: Bắt đầu lập đàn thờ thần *Đô đại Thành hoàng* 都大城隍⁽¹⁰⁾. Thần *Đô đại Thành hoàng*, tức thần *Thành hoàng của Kinh đô Thăng Long* thời bấy giờ.

Vào đời Nguyễn (1802-1945), sách *Đại Nam thực lục chính biên* cho biết: “Tháng Giêng năm Gia Long thứ 8 (1809): Dựng miếu *Đô Thành hoàng* ở bên hữu kinh thành⁽¹¹⁾. Đây là miếu để thờ *Thành hoàng của Kinh đô Phú Xuân*

⁽⁴⁾ Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh tập*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, Bản dịch của Lê Hữu Mục, tr. 73, 74.

⁽⁵⁾ Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, sđd, tr. 74.

⁽⁶⁾ Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, sđd, tr. 74.

⁽⁷⁾ Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, sđd, tr. 74.

⁽⁸⁾ Trần Thế Pháp (1960), *Lĩnh Nam chích quái*, Nhà sách Khai Trí, Sài Gòn, Bản dịch của Lê Hữu Mục, tr. 107.

⁽⁹⁾ Trần Thế Pháp, *Lĩnh Nam chích quái*, sđd, tr. 124-125.

⁽¹⁰⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 2, tr. 371.

⁽¹¹⁾ *Đại Nam thực lục* (2004), Nxb Giáo dục, Hà Nội, tập 1, tr. 745.

(Huê). Miếu thờ được bố trí: chính giữa thờ *Đô Thành hoàng*. *Bên Tả vu*: thờ các thần Thành hoàng ở Gia Định thành, Quảng Đức, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Hòa, Bình Thuận, Phiên An, Định Tường, Vĩnh Thanh, Hà Tiên. *Bên Hữu vu*: thờ các thần Thành hoàng ở Bắc thành, Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Yên Quảng, Hưng Hóa, Lạng Sơn, Cao Bằng, Tuyên Quang.

Miếu thờ Đô Thành hoàng đặt miếu phu 15 người, lấy dân Phú Xuân sung vào, mỗi năm hai mùa Xuân Thu, lấy ngày Canh, sai quan đến tế⁽¹²⁾.

Các vua Nguyễn sau này còn lập miếu thờ thần Thành hoàng ở tỉnh và huyện trong cả nước.

Như vậy, ở Việt Nam, cũng có một loại thần Thành hoàng giống như Thành hoàng Trung Quốc, đó là thần của các thành trì. Nhưng *Thành hoàng được thờ ở các đình làng là các thần của làng*, tuy thường được gọi là: *Đương Cảnh Thành hoàng* 當境城隍, *Bản Cảnh Thành hoàng* 本境城隍, *Bản Thổ Thành hoàng* 本土城隍 nhưng không giống chút nào với Thành hoàng Trung Quốc. Trong *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, tác giả Nguyễn Duy Hinh viết: “Rõ ràng trong Thành hoàng Việt Nam có hai dòng riêng biệt.

Một dòng mang đậm gần nguyên xi mô hình Đường - Minh: Hệ thống Thành hoàng cả nước, tỉnh, huyện. Đó là những vị thần vô danh tối linh, không có thần tích, nhân bản, thậm chí cũng không

phải là một thiên thần theo mô hình Trung Quốc. Tuy nhiên, trong một số trường hợp thì ngay dòng này cũng đã Việt hóa, như Tô Lịch - con người có lý lịch - được phong *Đô Phủ Thành hoàng*.

Dòng thứ hai là Thành hoàng - Làng. Đó mới là dòng chủ thể phản ánh bản chất tư duy tôn giáo tín ngưỡng Việt Nam”⁽¹³⁾.

Để có đủ tư cách là thần Thành hoàng, được Nhà nước quân chủ cho phép dân làng thờ phụng, thì thần các làng phải được Nhà vua phong tặng danh hiệu. Trong sách *Việt Nam phong tục*, tác giả Phan Kế Bính cho biết, Nhà vua thường phong cho các thần làng làm 3 hạng:

- “*Thượng đẳng thần* 上等神: là những thần Danh sơn, Đại Xuyên và các bậc Thiên thần như: Đồng Thiên vương, Sóc Thiên vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh, v.v.. Các vị ấy có sự tích linh dị mà không rõ tung tích ẩn hiện thế nào, cho nên gọi là *Thiên thần*.

Hai là các vị *Nhân thần*, như Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo... Các vị này khi sinh tiền có đại công lao với dân với nước, lúc mất đi, hoặc bởi Nhà vua biểu dương công trạng mà lập đền thờ, hoặc bởi lòng dân nhớ công đức mà thờ.

Các bậc ấy đều có sự tích công trạng hiển hách và họ tên rõ ràng, lịch triều có mỹ tự bao phong làm *Thượng đẳng thần*.

- *Trung đẳng thần* 中等神: là những vị thần dân làng thờ đã lâu, có họ tên mà không rõ công trạng, hoặc là

⁽¹²⁾ Đại Nam thực lục, sđd, tr. 745.

⁽¹³⁾ Nguyễn Duy Hinh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 97.

có quan tước mà không rõ họ tên, hoặc những thần có chút linh dị, tới khi Nhà vua sai kỳ tình, đảo vũ (tức cầu tạnh, cầu mưa – TG), cũng có ứng nghiệm thì triều đình liệt vào *Tự điển* 祀典 (tức cuốn sổ ghi chép tên các vị thần trong cả nước được Nhà nước quân chủ cho phép dân thờ phụng – TG), mà phong làm *Trung đẳng thần*.

- *Hạ đẳng thần* 下等神: là những thần, dân xã thờ phụng, mà không có sự tích ra làm sao, nhưng cũng thuộc về *Chính thần*, thì triều đình cũng theo lòng dân mà phong cho làm *Hạ đẳng thần*”⁽¹⁴⁾.

Vì thế, không phải làng nào cũng có thần Thành hoàng. Trong *Nếp cũ - Tín ngưỡng Việt Nam*, tác giả Toan Ánh cho biết: “Nhiều làng hoặc vì lý do này, lý do khác không có Thành hoàng. Có những làng trước đây cũng đã có thần, nhưng theo sự tin tưởng, thần này đã được dời đi cai quản nơi khác, hoặc được đem lên dự vào hàng *Thiên thần*. Lại có nhiều thần bị phế truất, có thể do một đạo sắc của Nhà vua, có thể do một vị *Ác thần* khác đánh bại đi, rồi sau dân làng cầu khẩn các vị *Thượng đẳng thần* khác tới trị vị *Ác thần*, vị *Ác thần* phải bỏ đi, mà vị thần cũ chưa triệu trở lại được. Cũng có những làng mới lập, nên chưa có thần”⁽¹⁵⁾.

Nhưng nhiều làng không có thần Thành hoàng, chỉ vì các vị thần của họ không được Nhà vua phong. Về loại thần này, trong *Việt Nam phong tục*, tác giả Phan Kế Bính viết: “Ngoài ba bậc thần ấy (tức Thượng, Trung, Hạ đẳng thần, đã nói ở trên – TG), còn nhiều nơi thờ bậy, thờ bạ: Nơi thì thờ *Thần bán*

lợn; nơi thì thờ *Thần trẻ em* và *Thần ăn xin*, *Thần chết nghẹn*, *Thần Tà dân*, *Thần rắn*, *Thần rết*... Các hạng ấy, gọi là *Tà thần*, *Yêu thần*, *Đê tiện thần*, vì dân ngu xuẩn tin bậy mà thờ, chứ không được vào *Tự điển*, không có phong tặng gì cả”⁽¹⁶⁾. Nhiều làng muốn vị thần của mình được Nhà nước quân chủ phong làm Thành hoàng, người ta đã làm những bản “*Lý lịch giả*” cho các vị thần. Chẳng hạn, làng Đồng Ky, tỉnh Bắc Ninh, vốn thờ thần gắp phân (với chiếc giành tre mạ vàng), nhưng thần lại có một tiểu sử đảng hoàng là *Thiên Cương đế*⁽¹⁷⁾. Ở trên, Phan Kế Bính đã liệt kê một số vị thần Thành hoàng Việt Nam. Tuy nhiên trong thực tế, nguồn gốc của các thần làng xã là khá đa dạng và phức tạp.

Đúng là có những vị thần mà nhiều nhà nghiên cứu gọi là *Nhân thần* 人神, tức là các vị thần vốn là người. Sự phân biệt này, không phải bao giờ cũng dễ dàng.

Chúng ta thấy, có nhiều làng thờ các nhân vật lịch sử như: Lý Bí (còn gọi là Lý Bôn), Ngô Quyền, Đinh Tiên Hoàng, mười hai sứ quân (như: *Nguyễn Lệnh công* (tức Nguyễn Thủ Tiệp) được thờ ở xã Trùng Quang, tỉnh Bắc Ninh; *Trần Minh công* (tức Trần Lãm) được thờ ở làng Văn Hưng, tỉnh Nam Định; *Phạm*

⁽¹⁴⁾ Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, sđd, tr. 85, 86.

⁽¹⁵⁾ Toan Ánh (1992), *Nếp Cũ - Tín ngưỡng Việt Nam* (Quyển Thượng), Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 133, 134.

⁽¹⁶⁾ Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, sđd, tr. 86.

⁽¹⁷⁾ Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 50, 51.

Phòng Át (tức Phạm Bạch Hổ) được thờ ở làng Đại Đê, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định; *Đỗ Cảnh công* (tức Đỗ Cảnh Thạc) được thờ ở làng Sài Sơn, huyện Quốc Oai, Hà Nội, và ở làng Ngô Sài, huyện Quốc Oai, Hà Nội), hai Hoàng tử thời Lý là Đông Chinh vương và Dục Thánh vương, Lý Thường Kiệt, Tô Hiến Thành, Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn (tức Trần Hưng Đạo, còn được tôn xưng là Đức Thánh Trần – một vị thần lớn trong Thần điện của Đạo giáo dân gian Việt Nam, nhưng cũng có nhiều làng thờ làm thần Thành hoàng như ở các tỉnh Thái Bình, Nam Định... chẳng hạn), Trần Khát Chân, Lê Lợi, Lê Lai...

Ở đất Nam Bộ, những vị quan có công trong việc mở mang bờ cõi thường được các chúa Nguyễn và vua Nguyễn phong làm thần Thành hoàng và thờ ở nhiều đình như: Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Hữu Cảnh (còn đọc là Nguyễn Hữu Kính), Nguyễn Cư Trinh, Thoại Ngọc Hầu...

Nhưng chiếm số đông trong các vị *Nhân thần* là những người ít nổi tiếng hơn, họ là quan lại hay nho sĩ địa phương (như xã Hoảng Lộc, huyện Hoảng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, thờ thần Thành hoàng là Nguyễn Tuyên, một nhân vật “nửa lịch sử”, người địa phương, có công giúp vua Lý Thái Tông đánh giặc Chiêm Thành), và đặc biệt là những bộ tướng đã giúp những vị anh hùng lịch sử đánh giặc cứu nước. Trong số này, thì đông đúc là các tướng của Hai Bà Trưng, nhất là các *Nữ tướng*. Thật ra, những vị thần này “xuất thân” là những nhân vật truyền thuyết, có tính chất “giả lịch sử” hơn là lịch sử. Và hơn

nữa, trong số các *Nhân thần*, có không ít các vị vốn là “*thần tự nhiên*”, được “*nhân thần hóa*”. Việc tìm hiểu nguồn gốc của các thần này, đòi hỏi một sự phân tích chu đáo⁽¹⁸⁾.

Chẳng hạn như, Lý Phục Man, vị thần Thành hoàng được thờ ở đình Yên Sở, Hoài Đức (Hà Nội)⁽¹⁹⁾, bị người ta đồng nhất với Phạm Tu, một tướng của Lý Nam Đế, ở thế kỷ VI. Nhưng gần đây có ý kiến cho rằng, đó chỉ là vị thần sông Đáy⁽²⁰⁾.

Các vị thần sông nước được “*nhân thần hóa*” nổi tiếng hơn cả, phải kể đến là hai anh em Trương Hồng, Trương Hát. Sách *Việt điện u linh tập* cho biết, đây chính là hai vị thần sông. Truyện kể rằng, thời Nam Tấn vương, Ngô Xương Văn (951-965) đi đánh Lý Huy ở Phù Lan, Hưng Yên ngày nay, hai thần báo mộng cho biết Thượng đế đã phong cho cả hai anh em làm chức *Than Hà Long Quân Phó sứ* 灘河龍君副使, hiệu là *Tuần Giang Đô Phó sứ* 巡江都副使. Xét từ chức tước và tên hiệu của hai vị thần đều liên quan tới sông nước. Thần là “*Thác trên sông*” (Than hà), hiện diện dọc theo (Tuần giang) sông Thương (Vũ Bình, Nam Bình), sông Cầu (Lạng Giang). Từ đó, có thể giải thích về nguồn gốc tên của hai thần *Hóng* và *Hát* là Tiếng nước réo trên thác, trên sông, một đe dọa (*Hóng*), một quyền rũ (*Hát*) mà cũng hàm chứa

⁽¹⁸⁾ Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự, *Đình Việt Nam*, sđd, tr. 51.

⁽¹⁹⁾ Nguyễn Văn Huyền, *Góp phần nghiên cứu một vị Thành hoàng Việt Nam: Lý Phục Man*, sđd, tr. 283.

⁽²⁰⁾ Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần người và Đất Việt*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 51.

sự lôi cuốn nguy hiểm, đầy quyền uy và hấp dẫn của siêu nhiên⁽²¹⁾.

Sau khi “bình xong giặc Tây Long (tức Lý Huy), Nam Tấn vương Ngô Xương Văn sai sứ giả chia đất để lập đền thờ, đều phong làm *Phúc Thần* 福神, phong anh Trương Hồng là *Đại Dương giang Đô hộ Quốc Thần vương*, lập đền thờ ở cửa sông Như Nguyệt (tức sông Cầu). Còn em Trương Hát được phong là *Tiểu Dương giang Đô hộ Quốc Thần vương*, lập đền thờ ở cửa sông Nam Bình (tức sông Thương)⁽²²⁾.

Có hai vị thần, có lẽ nguyên là thần biển, được thờ nhiều ở các tỉnh ven biển đồng bằng Bắc Bộ (như Hải Phòng, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định...) vì đều có thần hiệu là *Đông Hải Đại vương* 東海大王 (Vị vua lớn của Biển Đông), nhưng đã khoác áo hai nhân vật lịch sử thời Trung đại Việt Nam. Một người là Đoàn Thượng, từng chiếm cứ đất Hồng Châu (vùng Tây Bắc và Nam tỉnh Hải Dương ngày nay) vào cuối thời Lý, đầu thời Trần. Cuối năm 1228, Đoàn Thượng bị Nguyễn Nộn giết chết. Và một người là Nguyễn Phúc (? – 1470), đỗ Đệ nhị giáp Tiến sĩ, xuất thân (Hoàng giáp) khoa Quý Dậu, niên hiệu Thái Hòa thứ 11 (1453), giữ chức Đốc Lương (đốc suất vận chuyển quân lương). Vì ngược gió, đoàn quân lương đến chậm, ông bị xử trảm theo quân luật (1470). Sau vua Lê Thánh Tông biết ông bị oan, phong làm Phúc thần⁽²³⁾.

Có những làng thờ các nhà sư thời Lý (1009-1225) làm thần Thành hoàng như: Từ Đạo Hạnh, Đại Diên, Nguyễn Minh Không... Cũng có đình, như đình Thổ Hà (Bắc Giang), thờ cả Lão Tử, một nhà

triết học nổi tiếng sống đồng thời với Khổng Tử (551-479 TCN) của Trung Quốc. Điều đó, nói lên ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo đến tín ngưỡng thần Thành hoàng của làng xã Việt Nam.

Thần tự nhiên, hay còn được gọi là *Thiên thần*, hoặc *Nhiên thần*, cũng được thờ rất nhiều trong các làng xã Việt Nam. Các vị thần tự nhiên này, cũng có một bản tiêu sử - thường gọi là *Thần phả* 神譜, hay *Thần tích* 神迹, rất là “người”. Sơn thần (Thần núi) và Thủy thần (Thần sông, Thần biển) được thờ nhiều hơn cả. Trong số các sơn thần, thần núi Tản Viên (tức *Tản Viên Sơn Thánh*) có địa vị cao hơn cả. Chính ngôi đình Tây Đằng, huyện Ba Vì, Hà Nội thờ vị thần này. Ngoài Tản Viên, các vị thần núi như Cao Sơn, Quý Minh... cũng được thờ ở nhiều nơi. Ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An, thì thần núi Cao Sơn thường được gọi là *Cao Sơn Cao Các*, hay *Cao Các*. Từ vùng này về phía Nam, cho đến Nam Bộ, phổ biến thờ thần Cao Các. Chẳng hạn: đình Dương Xuân ở Huế, đình Phương Sài ở Thị xã Nha Trang, đình Nam Chơn ở Thành phố Hồ Chí Minh, đình Phú Sơn ở Cái Bè, đình Xuân Sơn ở Cai Lậy, đình Giao Long, đình Quốc Sơn ở Bến Tre... đều thờ thần Cao Các làng Thành hoàng⁽²⁴⁾.

(21) Tạ Chí Đại Trường, *Thần người và Đất Việt*, sđd, tr. 47, 48.

(22) Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, sđd, tr. 83.

(23) Ngô Đức Thọ (chủ biên) (1993), *Các nhà khoa bảng Việt Nam*, Nxb Văn học, Hà Nội, tr. 98.

(24) Nguyễn Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường, Hồ Tường (1993), *Đình Nam Bộ - tín ngưỡng và nghi lễ*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, TP. Hồ Chí Minh, tr. 43.

Liên quan đến *Thần núi* là *Thần đá*. Thần đá cũng được thờ ở nhiều làng. Chẳng hạn như: Thần *Bạch Thạch* (Đá Trắng) thờ ở Phù Ninh (Phú Thọ), Nghi Lộc (Nghệ An); thần *Thạch Khanh* (Ông Đá), thờ ở Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ); *Thổ Lệnh, Thạch Linh* ở Như Quỳnh (Nghệ An); thần *Tam Điệp sơn* ở xã Khánh Vân (Thanh Trì, Hà Nội)...⁽²⁵⁾.

Trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, ở vùng đồng chiêm trũng Hà Nam, ở vùng đầm lầy và vùng ven biển Nam Định, Thái Bình..., thủy thần chiếm ưu thế hơn so với sơn thần. Thủy thần được thờ phổ biến là Cá sấu, được tôn xưng là *Long vương* (Vua Rồng), như: Đông Hải Long vương, Nam Hải Đại vương, Sát Hải Đại vương. Một nữ thủy thần cũng hay được thờ là *Ngọc Thủy Tinh Công chúa*.

Liên quan đến Thủy thần là các *Thần cá, Thần rắn*. Thí dụ như thần Thành hoàng xã Phù Sa, huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên, được phong với cái tên nôm na là “*Đương Cảnh Thành hoàng Đức Vua Rí Cửa Cổng*”, vốn là một con Cá Chép⁽²⁶⁾.

Thần rắn cũng là một loại thần quan trọng của người Việt, được thờ ở rất nhiều làng. Trong số thần rắn, vị thần nổi tiếng nhất là *Linh Lang Đại vương*. Thần Linh lang được thờ ở đền Voi Phục, Hà Nội và ở nhiều làng của Xứ Đoài (các huyện phía tây Hà Nội), Thái Bình, Nam Định...⁽²⁷⁾.

Tín ngưỡng phồn thực là một trong những tín ngưỡng nguyên thủy còn được bảo lưu khá rõ ở người Việt. Một đôi nơi cũng có thờ bộ phận sinh thực khí nam, nữ, nhưng thường dưới các hình thức kín đáo, vì dưới mắt của nhà Nho, đó là các “*Dâm thần*”.

Trong *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, tác giả Nguyễn Duy Hinh cho biết, một số làng thờ sinh thực khí nam, nữ. Chẳng hạn: ở đền xã Tức Mặc, tỉnh Nam Định có thờ 14 vị vua nhà Trần và 3 vị thần Thành hoàng. Vị Thành hoàng thứ nhất là: *Uy Linh Chấn Quốc Đại vương*; ông là một vị tướng nhà Trần. Vị thứ hai là: *Cao Mang Đại vương*, tức thần Rắn. Vị thứ ba là *Thực Côn Công Chúa*, tên là *Con Nường*. Danh hiệu này là mỹ tự của *Nỗ Nường* (*Nỗ* là sinh thực khí nam, *Nường* là sinh thực khí nữ). “*Thực*” là “đưa vào”; “*Côn*” có nghĩa “chiếc gậy ngắn”, còn “*Con Nường*”, tên Nôm của vị thần, là chỉ sinh thực khí nữ⁽²⁸⁾.

Đình làng Nôi, xã Văn Phú, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên thờ bà Phạm Thị Lương, người làng Ứng, đánh giặc hy sinh, được phong *Lương Lang Công chúa*. Trong nội cung thờ một bộ *cối chày bằng đá*. Thực ra, chữ *Lương*, hay *Lang*, cũng chỉ là cách phiên âm kín đáo của từ “*Nường*”, trong *Nỗ Nường*. Đặc biệt, khi tế thần Thành hoàng, ông Đông xướng và Tây xướng đối đáp: “Cái sự làm sao? Cái sự làm vậy. Cái sự thế này. Cái sự chày đâm”.

Tắt đèn. Ông tế viên đeo cối vào cổ, cầm chày đâm vào cối 3 lần. Trai gái dự lễ ôm nhau 3 lần. Ai cười bị thần vật chết ngay⁽²⁹⁾.

⁽²⁵⁾ Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sđd, tr. 168.

⁽²⁶⁾ Như trên, tr. 217, 218.

⁽²⁷⁾ Như trên, tr. 204, 205.

⁽²⁸⁾ Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sđd, tr. 316.

⁽²⁹⁾ Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sđd, tr. 317, 423.

Nhiều làng ven biển còn thờ *Thần Cá Voi*. Đối với ngư dân, Cá voi luôn phù hộ trong các chuyến đi biển, nên được gọi là *Cá Ông*.

Chúng ta có thể thấy rằng, Thần Thành hoàng ở các làng Việt Nam biểu hiện một hệ thống tín ngưỡng đa nguyên. Đó là một hệ thống pha lẫn nhiều yếu tố tín ngưỡng sơ khai của cư dân nông nghiệp (như tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng thờ thần Mẹ, và các thần sức mạnh tự nhiên...) với các yếu tố của thờ cúng tổ tiên, thờ cúng những vị anh hùng (như anh hùng đánh giặc, cứu nước, anh hùng văn hóa) hay các vị “tiên hiền”, “hậu hiền” có công mở đất... Hệ thống đó có một phần, không lớn lắm, ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo.

Ở đây có một điều cần lưu ý rằng, tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng trong các làng Việt Nam có từ rất lâu đời, có thể có ngay từ thời Lý, Trần. Sách *Việt điện u linh tập* (soạn vào thế kỷ XIV của Lý Tế Xuyên) và *Lĩnh Nam chích quái* (soạn khoảng đầu thế kỷ XV của Trần Thế Pháp) đã chứng minh chắc chắn rằng, thời Trần có sắc phong cho thần Thành hoàng Việt Nam. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chép một sự liên quan tới việc phong thần như sau: “Mùa hạ, tháng 4, năm Quang Thái thứ 3 (1390), tôn thêm huy hiệu cho các tiên đế, tiên hậu và thụy hiệu cho các *thần kỳ các nơi*”⁽³⁰⁾.

Thời Hậu Lê (1428-1789) là thời kỳ phong Thành hoàng và bách thần được biết đến nhiều nhất, nhiều đến nỗi có người nghĩ rằng hiện tượng thờ thần Thành hoàng chỉ bắt đầu xuất hiện trong

thời Lê với sự ra đời của cái đình! Nhưng, như trên đã nói, thần Thành hoàng đã có từ trước và nơi thờ chính là các Nghè, Miếu, Đền, chứ không có thần tích nào ghi thờ trong Đình. Thờ thần Thành hoàng trong đình là hiện tượng muộn, có thể thuộc thời Nguyễn⁽³¹⁾.

Trong *Việt Nam phong tục*, Phan Kế Bính cũng viết: “Mỗi làng thờ thần [Thành hoàng] phải có một tòa *miếu*. Có nơi vừa có *miếu*, vừa có *đình*. Làng nào to, thì mỗi thôn lại có lập riêng một đình.

Miếu là chỗ *quý thần bằng y*⁽³²⁾, *đình* là nơi *thờ vọng*⁽³³⁾, và để làm nơi công sở cho dân hội họp...”⁽³⁴⁾.

Có thể nói tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng là một tín ngưỡng lâu đời và hết sức quan trọng trong đời sống cộng đồng của người Việt. Làng Việt còn tồn tại thì tín ngưỡng thờ thần Thành hoàng còn tồn tại. Như Giáo sư Đào Duy Anh đã nhận định: “Thần Thành hoàng là biểu hiện của lịch sử, phong tục, đạo đức, pháp lệ cùng hy vọng chung của cả làng, lại cũng là một thứ quyền uy siêu việt, một mối liên lạc vô hình, khiến cho hương thôn thành một đoàn thể có tổ chức và hệ thống chặt chẽ”⁽³⁵⁾.

⁽³⁰⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư* (1998), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tập 2, tr. 181.

⁽³¹⁾ Nguyễn Duy Hinh, *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, sđd, tr. 291.

⁽³²⁾ *Quý thần bằng y*: ý nói là nơi thần được thờ chính, “nơi ở” lâu dài của Thần Thành hoàng.

⁽³³⁾ *Thờ vọng*: chữ Hán là *Vọng tế* 望祭, tức tế lễ từ xa, trông về nơi “Thần Thành hoàng bằng y”, tức Miếu mà tế.

⁽³⁴⁾ Phan Kế Bính, *Việt Nam phong tục*, sđd, tr. 86.

⁽³⁵⁾ Đào Duy Anh (2002), *Việt Nam văn hóa sử cương*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr. 248.

